

Số: / ... /TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm 20...

DỰ THẢO

## THÔNG TƯ

## Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non, bao gồm: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, quy định về giờ dạy, chế độ giảm giờ dạy và quy đổi một số hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với giáo viên và giáo viên giữ chức vụ quản lý (bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) đang giảng dạy ở trường mầm non công lập; nhóm lớp mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong trường phổ thông công lập.

2. Trường mầm non công lập bao gồm: trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ công lập; nhóm lớp mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong trường phổ thông công lập.

3. Các trường mầm non ngoài công lập căn cứ quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường để quy định chế độ làm việc đối với giáo viên bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về lao động.

### **Điều 3. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc**

1. Thời gian làm việc của giáo viên thực hiện theo năm học và được quy đổi thành giờ dạy, trong đó bao gồm số giờ dạy trong 01 ngày theo định mức giờ dạy quy định tại Điều 6 Thông tư này; Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng bảo đảm 40 giờ/tuần, trong đó bao gồm số giờ dạy trong 01 tuần theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên phải bảo đảm quy định về định mức giờ dạy, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, công bằng giữa các giáo viên trong cùng trường.

3. Mỗi giáo viên không kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

Đối với các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này nếu đã được nhận tiền thù lao hoặc tiền phụ cấp thì không được quy đổi ra giờ dạy.

4. Đối với các nhiệm vụ chưa được quy định chế độ giảm định mức giờ dạy hoặc chưa được quy đổi ra giờ dạy hiệu trưởng căn cứ vào mức độ phức tạp, khối lượng công việc của nhiệm vụ, dự kiến số giờ dạy quy đổi đối với nhiệm vụ đó và gửi xin ý kiến của các phó hiệu trưởng, cấp ủy và tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Sau khi có ý kiến thống nhất, hiệu trưởng quyết định số giờ dạy quy đổi đối với nhiệm vụ và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý.

## **Chương II**

### **THỜI GIAN LÀM VIỆC, THỜI GIAN NGHỈ HẰNG NĂM VÀ ĐỊNH MỨC GIỜ DẠY**

#### **Điều 4. Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên**

1. Thời gian làm việc trong năm học của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên mầm non là 42 tuần, trong đó:

- a) Số tuần thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non là 35 tuần (sau đây gọi chung là số tuần dạy trẻ);
- b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ là 04 tuần;
- c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 03 tuần.

2. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách phải điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học thì số tuần dạy trẻ thực hiện theo quy định điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

## **Điều 5. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên**

1. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên gồm:

a) Thời gian nghỉ hè theo quy định của Chính phủ;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Căn cứ kế hoạch năm học, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường, hiệu trưởng bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên phù hợp, đúng quy định.

2. Trường hợp thời gian nghỉ hè và thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ có giai đoạn trùng nhau, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định;

b) Thời gian đã được nghỉ hè trước khi được nghỉ thai sản nếu có hoặc thời gian nghỉ hè sau khi nghỉ thai sản nếu còn (sau đây gọi chung là thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản).

Trường hợp thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản ít hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động thì giáo viên được nghỉ thêm một số ngày. Tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với hiệu trưởng.

3. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng gồm:

a) Thời gian nghỉ hè; thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

b) Thời gian nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bố trí linh hoạt trong năm học và trong thời gian nghỉ hè của giáo viên để bảo đảm các hoạt động của nhà trường diễn ra bình thường và bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ công tác do cơ quan quản lý các cấp triệu tập (nếu có). Lịch nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc theo phân cấp.

## **Điều 6. Định mức giờ dạy đối với giáo viên**

1. Thời gian thực hiện hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non bao gồm giờ dạy trực tiếp trên lớp, thời gian chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp, thời gian đón trẻ và trả trẻ, thời gian thực hiện các công việc chuyên môn khác theo yêu cầu hoạt động nghề nghiệp (sau đây gọi chung là thời gian làm việc). Thời gian thực hiện hoạt động nghề nghiệp phải bảo đảm 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

## 2. Định mức giờ dạy trong 01 ngày

a) Đối với giáo viên dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày phải dạy trực tiếp trên lớp là 05 giờ 30 phút (không bao gồm thời gian đón trẻ và trả trẻ);

b) Đối với giáo viên dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày phải dạy trực tiếp trên lớp là 04 giờ (không bao gồm thời gian đón trẻ và trả trẻ).

## **Điều 7. Định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

1. Ngoài các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải trực tiếp tham gia dạy trẻ để nắm được nội dung, mục tiêu chương trình giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý.

## 2. Định mức giờ dạy trong 01 tuần

a) Hiệu trưởng là 02 giờ;

b) Phó hiệu trưởng là 04 giờ.

3. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng không được quy đổi chế độ giảm định mức giờ dạy theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này thay thế cho định mức giờ dạy.

4. Khi dạy đủ định mức giờ dạy được quy định, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được quy đổi các hoạt động chuyên môn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để tính tổng số giờ dạy khi tính số giờ dạy thêm (nếu có).

## **Chương III**

### **CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ DẠY VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ DẠY**

**Điều 8. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn**

1. Tổ trưởng chuyên môn được giảm 03 giờ dạy/tuần.

2. Tổ phó tổ chuyên môn được giảm 01 giờ dạy/tuần.

**Điều 9. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm một số vị trí việc làm khác**

Đối với những vị trí việc làm không bố trí được người làm việc mà phải phân công giáo viên kiêm nhiệm thì nhà trường được sử dụng giờ dạy để làm công việc đó, cụ thể như sau:

1. Giáo viên kiêm nhiệm vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được giảm 02 giờ dạy/tuần.

2. Giáo viên kiêm nhiệm vị trí việc làm văn thư được giảm 02 giờ dạy/tuần.
3. Giáo viên kiêm nhiệm vị trí việc làm thư viện (phụ trách cả phòng thư viện) được giảm 02 giờ dạy/tuần.

**Điều 10. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với các đối tượng khác**

1. Giáo viên trong thời gian tập sự được giảm 05 giờ dạy/tuần.
2. Giáo viên nữ có con nhỏ từ 12 tháng trở xuống được giảm 05 giờ dạy/tuần.
3. Giáo viên trong thời gian đi khám, chữa bệnh (không vượt quá thời gian quy định) được hiệu trưởng nhà trường đồng ý và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì không phải dạy bù và được tính dạy đủ định mức giờ dạy ngày hôm đó.
4. Đối với giáo viên dạy lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập, khi dạy đủ số giờ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này, cứ có 01 trẻ khuyết tật/lớp, mỗi giáo viên được tính thêm 0,5 giờ dạy/ngày.

**Điều 11. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy**

1. Đối với giáo viên được huy động làm báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên do hiệu trưởng hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức (bao gồm cả giáo viên cốt cán) thì 01 tiết giảng dạy (hoặc 01 giờ dạy) thực tế được tính bằng 01 giờ dạy.
2. Đối với giáo viên được phân công dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch thì 01 tiết giảng dạy (hoặc 01 giờ dạy) thực tế được tính bằng 01 giờ dạy.
3. Giáo viên được cơ quan quản lý giáo dục cử đi dạy tăng cường tại các trường mầm non khác thì mỗi ngày làm việc được tính đủ định mức giờ dạy theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
4. Giáo viên tham gia trông trẻ buổi trưa nếu chưa được nhận tiền thù lao thì mỗi buổi được tính không quá 02 giờ dạy. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào số lượng trẻ ở lại bán trú, thời gian trông trẻ buổi trưa để xác định cụ thể việc quy đổi giờ dạy theo quy định tại khoản này sau khi có ý kiến thống nhất của tất cả các phó hiệu trưởng và giáo viên trong nhà trường.
5. Giáo viên được phân công làm ban giám khảo trong các cuộc thi hoặc hội thi của giáo viên cấp trường theo kế hoạch (các cuộc thi hoặc hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì 01 tiết (hoặc 01 giờ) tham gia chấm trực tiếp được tính bằng 01 giờ dạy.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan có liên quan theo thẩm quyền được giao hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên quy định tại Thông tư này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên mầm non được quy định tại Thông tư này.

3. Hiệu trưởng trường mầm non chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 13. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày        tháng        năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường mầm non, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như khoản 3 Điều 13;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

**Phạm Ngọc Thường**